

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất sinh phẩm phục vụ cho hoạt động xét nghiệm. Ngày 28/5/2025, Viện phát hành công văn mời báo giá số 1414/PAS-VTTBYT; Ngày 10/6/2025, Viện phát hành công văn mời báo giá số 1574/PAS-VTTBYT và Ngày 16/6/2025, Viện phát hành công văn mời báo giá số 1650/PAS-VTTBYT nhưng vẫn chưa nhận đủ báo giá. Nay Viện tiếp tục phát hành thư mời báo giá để có cơ sở xây dựng dự toán, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Lê Cẩm Tú
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư – Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0949486302
- Địa chỉ email: lecamtu031197@gmail.com - tulc@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 12 giờ ngày 01/7/2025

Báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 01/7/2025**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục dịch vụ và Biểu mẫu báo giá

- Danh mục dịch vụ: Theo Phụ lục I đính kèm.
- Biểu mẫu báo giá để nhà cung cấp tham khảo: Theo Phụ lục II đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Kho Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 24 – 48 giờ đối với hàng có sẵn, 04 – 08 tuần đối với hàng không có sẵn.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn tài chính. Hồ sơ thanh toán bao gồm: hóa đơn, biên bản giao hàng, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ của hàng hóa (nếu có). Trường hợp Viện nhận thiếu các hồ sơ nêu trên thì thời gian thanh toán được tính từ khi nhà cung cấp bổ sung đầy đủ các chứng từ cho Viện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục I
DANH MỤC ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày /6/2025 của Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Dung dịch Modifier $Mg(NO_3)_2$ 1%	Dùng cho AA Mã hàng: B0190634 Hãng: Perkin Elmer	ml	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý
2	Dung dịch Modifier $NH_4H_2PO_4$ 10%	Dùng cho AA Mã hàng: N9303445 Hãng: Perkin Elmer	ml	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý
3	Dung dịch chuẩn Hg	Chuẩn nguyên tố thủy ngân Dùng cho AA Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1702260500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
4	Dung dịch chuẩn Fe	Chuẩn nguyên tố sắt Dùng cho AA Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1197810500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
5	Nội Chuẩn Aflatoxin M1 C13	Nội chuẩn Aflatoxin M1 U- [13C17]-Aflatoxin M1 trong Acetonitrile - Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương - Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC	ml	2,4	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
		Mã hàng: HWSTD#1091U Hãng: Pribolab Quy cách: 1,2ml/lọ			
6	Chuẩn Aflatoxin M1	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: 10003661 Hãng: RomerLab	ml	3	Kiểm nghiệm Hóa Lý
7	Chuẩn Melamine	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA 13 67000 Hãng: Pharmaffiliates	mg	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý
8	Nội chuẩn Melamine C13	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng:CS-W-00264 Hãng: Clearsynth	mg	20	Kiểm nghiệm Hóa Lý
9	Chuẩn Piroxicam	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA 16 35000 Hãng: Pharmaffiliates	mg	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý
10	Chuẩn Cyproheptadine	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034	mg	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
		hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA 30 41000 Hãng: Pharmaffiliates			
11	Chuẩn Ginsenoside (Rb1)	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Mã hàng: Y0001347 Hãng: EDQM	mg	30	Kiểm nghiệm Hóa Lý
12	Chuẩn Ginsenoside (Rg1)	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA PHY 003011 Hãng: Pharmaffiliates	mg	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý
13	Dung dịch pH chuẩn 4	Giá trị pH: 4.0 (H ₂ O, 25°C) Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích (tương đương tiêu chuẩn ACS) Mã hàng: 1094450500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
14	Chất chuẩn Sodium Benzoate	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA 19 12000 Hãng: Pharmaffiliates	mg	2.000	Kiểm nghiệm Hóa Lý
15	Chất chuẩn Potassium Sorbate	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương	mg	2.000	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
		Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA 16 37000 Hãng: Pharmaffiliates			
16	Chất chuẩn Sodium Ascorbate	- Nhà sản xuất đạt ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc ISO 17034 hoặc GLP hoặc tương đương Cung cấp kèm theo thông tin phổ chuẩn hoặc kết quả phân tích theo IR/NMR/MS/HPLC Mã hàng: PA 01 77540 Hãng: Pharmaffiliates	mg	1.000	Kiểm nghiệm Hóa Lý
17	Dung dịch chuẩn Fluoride	Nồng độ: 1000 mg/kg $\pm$ 10mg/kg (hoặc 1000mg/L $\pm$ 10 mg/L) Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1198140500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
18	Dung dịch Chuẩn Chloride	Nồng độ: 1000 mg/kg $\pm$ 10mg/kg (hoặc 1000mg/L $\pm$ 10 mg/L) Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1198970500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
19	Dung dịch Chuẩn Nitrite	Nồng độ: 1000 mg/kg $\pm$ 10mg/kg (hoặc 1000mg/L $\pm$ 10 mg/L) Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1198990500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
20	Dung dịch Chuẩn Nitrate	Nồng độ: 1000 mg/kg $\pm$ 10mg/kg (hoặc 1000mg/L $\pm$ 10 mg/L) Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1198110500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
21	Dung dịch Chuẩn Sulfate	Nồng độ: 1000 mg/kg $\pm$ 10mg/kg (hoặc 1000mg/L $\pm$ 10 mg/L) Nhà sản xuất đạt ISO 17100 hoặc ISO 9001 hoặc ISO/IEC 17025 hoặc tương đương Mã hàng: 1198130500 Hãng: Merck	ml	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
22	Dung dịch Diethyl Ether	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1009211000 Hãng: Merck	Lít	5	Kiểm nghiệm Hóa Lý
23	Hóa chất Sodium thiosulfate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1065160500 Hãng: Merck	g	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
24	Hóa chất Potassium Iodine	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1050430500 Hãng: Merck	g	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
25	Hóa chất Potassium Iodate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương	g	100	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
		Mã hàng: 1050510100 Hãng: Merck			
26	Hóa chất Cobalt(II) Sulfate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1025560250 Hãng: Merck	g	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
27	Hóa chất Ammonium Thiocyanate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1012130500 Hãng: Merck	g	500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
28	Hóa chất Silver Nitrate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1015120100 Hãng: Merck	g	200	Kiểm nghiệm Hóa Lý
29	Hóa chất Petroleum Ether	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1017751000 Hãng: Merck	Lít	5	Kiểm nghiệm Hóa Lý
30	Hóa chất Sodium Sulfate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1066490500 Hãng: Merck	g	1.500	Kiểm nghiệm Hóa Lý
31	Hóa chất Copper (II) Chloride	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương	Kg	2	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
		Mã hàng: 1027331000 Hãng: Merck			
32	Hóa chất Sodium (III) Phosphate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1065721000 Hãng: Merck	Kg	2	Kiểm nghiệm Hóa Lý
33	Hóa chất Sodium Tetraborate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1063061000 Hãng: Merck	Kg	1	Kiểm nghiệm Hóa Lý
34	Hóa chất Potassium Dihydrogen phosphate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1048731000 Hãng: Merck	Kg	1	Kiểm nghiệm Hóa Lý
35	Hóa chất Di Sodium Phosphate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1065860500 Hãng: Merck	g	1.000	Kiểm nghiệm Hóa Lý
36	Hóa chất Potassium hexachloroplatinate (IV)	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích. Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1192380001 Hãng: Merck	g	2	Kiểm nghiệm Hóa Lý
37	Hóa chất Cobalt (II) chloride hexahydrate	Đạt tiêu chuẩn dùng trong phân tích.	g	100	Kiểm nghiệm Hóa Lý

TT	Danh mục đề xuất	Yêu cầu kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Tên Labo/Tổ thuộc Khoa/Phòng/Trung tâm
		Phân loại hóa chất: AR/ACS/ISO/ Reag. Ph Eur hoặc tương đương Mã hàng: 1025390100 Hãng: Merck			
38	Môi trường lowenstein Jensen Base	Thành phần như sau (g/l): Magnesium Sulphate 0,24 g/l Magnesium Citrate 0,6 g/l Monopotassium Phosphate 2,5g/l L- asparagine 3,6 g/l Potato Flour 30.0 g/l Malachite Green 0,4 g/l Mã hàng: 4016352 Hãng: Biolife	g	500	Pha chế môi trường
39	Môi trường Phenol Red Broth Base	Thành phần như sau (g/l): Casein Peptone 10g/l Meat Extract 3g/l Sodium Chloride 5g/l Phenol Red 0,018g/l Mã hàng: 4019102 Hãng: Biolife	g	500	Pha chế môi trường
40	Môi trường Sabouraud + Chloramphenicol Agar (Sabouraud CAF Agar)	Thành phần như sau: (g/l) Pancreatic Digest of Casein 5.0g/l Peptic Digest of meat 5.0g/l Glucose 40.0g/l Agar 150g/l Chloramphenicol 0,5g/l Mã hàng: 4020072 Hãng: Biolife	g	2.500	Pha chế môi trường
41	Chỉ thị sinh học cho nuôi hấp tiệt trùng Biological Indicators	Chỉ thị sinh học được chứa trong ống Thể tích ống : 1 mL đường kính : 10,75 mm Chủng vi sinh được sử dụng làm chỉ thị là Geobacillus stearothermophilus ATTC 7953 Mã hàng: 9100110 Hãng: Biolife Quy cách đóng gói: 24 ống/hộp	Ống	24	Pha chế môi trường

Phụ lục II

Mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	...											
2												
n	...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá]*, kể từ ngày ... tháng ... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.